

Mẫu số 02

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 3



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 14.07.2025 09
J-CP)

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Công
lượng
lượng
công
nhân
máy
móc
tháng

Mẫu số 03

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**TÊN THƯƠNG
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính*:Số điện thoại:Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:
do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.....

- Mã số thuế:

1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

(hoặc từ) - Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

- Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định này./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân
.....(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)**Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính:** Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

Mẫu số 04

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Mã số thuế của thương nhân		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Cơ quan, tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (✓) vào ô thích hợp) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)				
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu (nếu có) ☐		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị/giải trình chuyển đổi mã HS ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt): - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số hóa đơn:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: ■ Đóng dấu "Issued retroactively/Issued retrospectively" ☐ ■ Đóng dấu "Certified true copy" ☐		18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... Người đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

*Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Phụ lục VI
MẪU C/O MẪU EUR.1 CỦA VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA)

MOVEMENT CERTIFICATE		
1. Exporter (Name, full address, country) Description of goods 	EUR.1 No:..... See notes overleaf before completing this form.	
3. Consignee (Name, full address, country) (Optional) 	2. Certificate used in preferential trade between European Union and Socialist Republic of Viet Nam	
If goods are not packed, indicate as appropriate. 11. CUSTOMS OFFICE (EU) or ISSUING AUTHORITY (VN) ENDORSEMENT Declaration certified 	4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating	5. Country, group of countries or territory of destination
6. Transport details (Optional) Form of transport Of	7. Remarks	
8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages⁽¹⁾; Description of goods Issuing country or territory Place and date (Signature) (¹ If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.)	9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m³, etc.)	10. Invoices (Optional)
11. CUSTOMS OFFICE (EU) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT Declaration certified Export document⁽²⁾ Form No Of Customs office/Issuing authority Issuing country or territory Place and date (Signature)	12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date (Signature)	
(²) Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.		

13. REQUEST FOR VERIFICATION, to Verification of the authenticity and accuracy of this certificate is requested. Stamp (Place and date) (Signature)	14. RESULT OF VERIFICATION Verification carried out shows that this certificate⁽¹⁾ ☐ was issued by the customs office (EU) or issuing authority (VN) indicated and that the information contained therein is accurate. ☐ does not meet the requirements as to authenticity and accuracy (see remarks appended). Stamp (Place and date) (Signature) ⁽¹⁾ Insert X in the appropriate box.
---	---

II.29. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.

- Thương nhân khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn, hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O, hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O và nộp phí C/O.

Bước 2: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau:

1. Chấp nhận cấp C/O và thời gian thương nhân sẽ nhận được C/O;
2. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung);
3. Đề nghị kiểm tra lại chứng từ (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra nếu có bằng chứng cụ thể, xác thực làm căn cứ cho việc đề nghị kiểm tra này);
4. Từ chối cấp C/O nếu phát hiện những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP) hoặc nếu phát hiện lô hàng đã được xuất khẩu quá 1 năm kể từ ngày giao hàng;
5. Đề nghị kiểm tra tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP (nếu cần thiết).

Bước 3: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O thẩm định hồ sơ bổ sung (nếu có); ký phê duyệt và trình người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O.

Bước 4: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O trên hệ thống eCoSys hoặc ký cấp tay C/O giấy.

Bước 5: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O đóng dấu lên C/O, vào sổ theo dõi và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys.

Bước 6: Tổ chức cấp C/O trả C/O cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Internet (thương nhân khai điện tử cho hồ sơ đề nghị cấp C/O);
- Trực tiếp tại trụ sở Tổ chức cấp C/O;
- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có dấu sao y bản chính của thương nhân);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:

2.1. Đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu hoặc cho sản phẩm mới xuất khẩu lần đầu hoặc cho sản phẩm không cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ (Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

b) Mẫu C/O mẫu EUR.1 đối với hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam trong UKVFTA đã được khai hoàn chỉnh (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11/6/2021);

c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp bản sao tờ khai hải quan;

d) Bản sao hoá đơn thương mại (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);

đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Thương nhân được xem xét không cần nộp chứng từ này trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa có hình thức giao hàng không sử dụng vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế;

e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi theo mẫu tương ứng do Bộ Công Thương quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT), được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

g) Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác (Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT);

h) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ thương mại dưới dạng bản sao (đóng dấu sao

y bản chính của thương nhân) liên quan đến nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu mua bán/sản xuất trong nước.

2.2. Đối với thương nhân sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

- Trong lần đề nghị cấp C/O đầu tiên, hồ sơ bao gồm các chứng từ đã liệt kê tại mục 2.1.

- Từ lần đề nghị cấp C/O tiếp theo, hồ sơ chỉ cần chứng từ theo quy định từ điểm a đến điểm đ, mục 2.1. Các chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp C/O nêu tại các điểm e, điểm g và điểm h, mục 2.1 có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thương nhân nộp cho Tổ chức cấp C/O. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan các chứng từ này trong thời hạn 2 năm, thương nhân phải cập nhật cho Tổ chức cấp C/O.

2.3. Trong trường hợp chưa có các chứng từ nêu tại điểm c và điểm đ mục 2.1, thương nhân đề nghị cấp C/O có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O. Sau thời hạn này nếu thương nhân không bổ sung chứng từ, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thu hồi hoặc hủy C/O theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

3. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được đính kèm trên hệ thống eCoSys dưới dạng điện tử:

- +) Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống eCoSys;

- +) Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp trực tiếp tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA.

h) Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị cấp C/O (Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu C/O mẫu EUR.1 đối với hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam trong UKVFTA đã được khai hoàn chỉnh (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11/6/2021).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len;

- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len ký ngày 29/12/2020 tại Luân-đôn, Vương quốc Anh.

Mẫu số 01

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của thương nhân có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và các chứng từ kèm theo.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số CMND và ngày cấp

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu) và ngày cấp

Thương nhân:

6

Địa chỉ:

Mẫu số 02

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)
chúng tôi như sau:

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**TÊN THƯƠNG
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính*:Số điện thoại:Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:
do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm

- Mã số thuế:

1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

- Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

- Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định này./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)**Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính:** Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

Mẫu số 04

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Mã số thuế của thương nhân		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Cơ quan, tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (✓) vào ô thích hợp) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)				
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu (nếu có) ☐		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị/giải trình chuyển đổi mã HS ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt): - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:..... - Đề nghị đóng:				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số hóa đơn:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: ☐ Đóng dấu "Issued retroactively/Issued retrospectively" ☐ Đóng dấu "Certified true copy"		18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... Người đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Phụ lục VI
MẪU C/O MẪU EUR.1 ĐỐI VỚI
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TỪ VIỆT NAM TRONG UKVFTA

(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11/6/2021
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong UKVFTA)

MOVEMENT CERTIFICATE	
1. Exporter (Name, full address, country)	EUR.1 No:..... See notes overleaf before completing this form.
3. Consignee (Name, full address, country) (Optional)	2. Certificate used in preferential trade between United Kingdom and Socialist Republic of Viet Nam
	4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating 5. Country, group of countries or territory of destination
6. Transport details (Optional)	7. Remarks
8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages ⁽¹⁾ ; Description of goods	9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m³, etc.) 10. Invoices (Optional)
⁽¹⁾ If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.	
11. CUSTOMS OFFICE (UK) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT <i>Declaration certified</i> Export document ⁽²⁾ Form No Of Customs office/Issuing authority Issuing country or territory Place and date (Signature)	12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date (Signature)
⁽²⁾ Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.	12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date (Signature)

(Signature)

13. REQUEST FOR VERIFICATION, to

Verification of the authenticity and accuracy of this certificate is requested.

must be made by deleting

.....
(Place and date)

and endorsed by the
or territory.

.....
(Signature)

No spaces shall be left

must be preceded by an item number

below the last item

to make any later additions impossible.

Stamp

14. RESULT OF VERIFICATION

Verification carried out shows that this certificate⁽¹⁾

☐

was issued by the customs office (UK) or issuing authority (VN) indicated and that the information contained therein is accurate.

☐

does not meet the requirements as to authenticity and accuracy (see remarks appended).

.....

(Place and date)

Stamp

.....
(Signature)

⁽¹⁾ Insert X in the appropriate box.

NOTES

5. Goods shall be described

1. Certificate shall not contain erasures or words written over one another. Any alterations must be made by deleting the incorrect particulars and adding any necessary corrections. Any such alteration must be initialled by the person who completed the certificate and endorsed by the customs office (UK) or issuing authority (VN) of the issuing country or territory.

2. No spaces shall be left between the items entered on the certificate and each item must be preceded by an item number. A horizontal line must be drawn immediately below the last item. Any unused space must be struck through in such a manner as to make any later additions impossible.

3. Goods shall be described in accordance with commercial practice and with sufficient detail to enable them to be identified.

II.30. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.

- Thương nhân khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O, hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O và nộp phí C/O.

Bước 2: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau:

1. Chấp nhận cấp C/O và thời gian thương nhân sẽ nhận được C/O;
2. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung);
3. Đề nghị kiểm tra lại chứng từ (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra nếu có bằng chứng cụ thể, xác thực làm căn cứ cho việc đề nghị kiểm tra này);
4. Từ chối cấp C/O nếu phát hiện những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP) hoặc nếu phát hiện lô hàng đã được xuất khẩu quá 1 năm kể từ ngày giao hàng;
5. Đề nghị kiểm tra tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP (nếu cần thiết).

Bước 3: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O thẩm định hồ sơ bổ sung (nếu có); ký phê duyệt và trình người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O.

Bước 4: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O

- Ký cấp phép C/O và trả kết quả C/O dưới dạng bản pdf cho thương nhân trên hệ thống eCoSys (không cần thực hiện Bước 5 và Bước 6); hoặc

- Ký cấp tay C/O giấy (tiếp tục thực hiện Bước 5 và Bước 6).

Bước 5: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O đóng dấu lên C/O, vào sổ theo dõi và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys.

Bước 6: Tổ chức cấp C/O trả C/O cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Internet (thương nhân khai điện tử cho hồ sơ đề nghị cấp C/O);
- Trực tiếp tại trụ sở Tổ chức cấp C/O;
- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có dấu sao y bản chính của thương nhân);
- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);
- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:

2.1. Đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu hoặc cho sản phẩm mới xuất khẩu lần đầu hoặc cho sản phẩm không cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

b) Mẫu C/O mẫu RCEP đã được khai hoàn chỉnh và Mẫu Tờ khai bổ sung C/O (nếu có) (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2022/TT-BCT ngày 18/11/2022);

c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp bản sao tờ khai hải quan;

d) Bản sao hoá đơn thương mại (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);

đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Thương nhân được xem xét không cần nộp chứng từ này trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa có hình thức giao hàng không sử dụng vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế;

e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi theo mẫu tương ứng do Bộ Công Thương quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT), được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

g) Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác (Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT);

h) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ thương mại dưới dạng bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) liên quan đến nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu mua bán/sản xuất trong nước.

2.2. Đối với thương nhân sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

- Trong lần đề nghị cấp C/O đầu tiên, hồ sơ bao gồm các chứng từ đã liệt kê tại mục 2.1.

- Từ lần đề nghị cấp C/O tiếp theo, hồ sơ chỉ cần chứng từ theo quy định từ điểm a đến điểm đ, mục 2.1. Các chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp C/O nêu tại các điểm e, điểm g và điểm h, mục 2.1 có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thương nhân nộp cho Tổ chức cấp C/O. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan các chứng từ này trong thời hạn 2 năm, thương nhân phải cập nhật cho Tổ chức cấp C/O.

2.3. Trong trường hợp chưa có các chứng từ nêu tại điểm c và điểm đ mục 2.1, thương nhân đề nghị cấp C/O có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O. Sau thời hạn này nếu thương nhân không bổ sung chứng từ, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thu hồi hoặc hủy C/O theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

3. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được đính kèm trên hệ thống eCoSys dưới dạng điện tử:

+) Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống eCoSys;

+) Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp trực tiếp tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi mẫu RCEP.

h) Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị cấp C/O (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu C/O mẫu RCEP và Mẫu Tờ khai bổ sung C/O (nếu có) (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 32/2022/TT-BCT ngày 18/11/2022).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;

- Thông tư số 32/2022/TT-BCT ngày 18/11/2022 sửa đổi Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;

- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực ký ngày 15/11/2020 qua hình thức trực tuyến.

Mẫu số 01

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của thương nhân có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và các chứng từ kèm theo.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số CMND và ngày cấp

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Số CMND
và ngày cấp

Thương nhân:

6

Địa chỉ:

Mẫu số 02

Đề nghị được đăng ký
(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)
chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN, ngày.....tháng.....năm.....
----	--	---

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty
chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**TÊN THƯƠNG
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính*:Số điện thoại:Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.....

- Mã số thuế:

1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

- Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

- Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định này./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)**Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính:** Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

Mẫu số 04

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Mã số thuế của thương nhân		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Cơ quan, tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (✓) vào ô thích hợp) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)				
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu (nếu có) ☐		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị/giải trình chuyển đổi mã HS ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt): - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số hóa đơn:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: ▪ Đóng dấu "Issued retroactively/Issued retrospectively" ☐ ▪ Đóng dấu "Certified true copy" ☐		18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tạingày.....tháng.....năm..... Người đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

*Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Phụ lục II

MẪU C/O RCEP XUẤT KHẨU VÀ MẪU TỜ KHAI BỔ SUNG C/O

(ban hành kèm theo Thông tư số 32/2022/TT-BCT ngày 18/11/2022
của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18/02/2022
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong RCEP)

1. Goods Consigned from (Exporter's name, address and country)				Certificate No. RCEP				Form
2. Goods Consigned to (Importer's/ Consignee's name, address, country)				REGIONAL COMPREHENSIVE ECONOMIC PARTNERSHIP AGREEMENT				
3. Producer's name, address and country (if known)				CERTIFICATE OF ORIGIN				
4. Means of transport and route (if known) Departure Date: Vessel's name/Aircraft flight number, etc.: Port of Discharge:				Issued in (Country)				
5. For Official Use				Form				
6. Item number				Preferential Treatment: ☐ Given ☐ Not Given (Please state reason/s)				
7. Marks and numbers on packages				CERTIFICATE OF ORIGIN				
8. Number and kind of packages; and description of goods.				Signature of Authorised Signatory of the Customs Authority of the Importing Country				
9. HS Code of the goods (6 digit-level)				10. Origin Conferring Criterion				
11. RCEP Country of Origin				12. Quantity (Gross weight or other measurement), and value (FOB) where RVC is applied				
13. Invoice number(s) and date of invoice(s)				14. Remarks				

Place and date, and signature of authorised signatory

15. Declaration by the exporter or producer 17. ☐ Back-to-back Certificate of Origin The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct and that the goods covered in this Certificate comply with the requirements specified for these goods in the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement. These goods are exported to: (importing country) Place and date, and signature of authorised signatory	16. Certification On the basis of control carried out, it is hereby certified that the information herein is correct and that the goods described comply with the origin requirements specified in the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement. Place and date, signature and seal or stamp of Issuing Body
17. ☐ Back-to-back Certificate of Origin ☐ Third-party invoicing ☐ ISSUED RETROACTIVELY	

Continuation Sheet

Certificate No.

Form RCEP

6. Item number	7. Marks and numbers on packages	8. Number and kind of packages; and description of goods.	9. HS Code of the goods (6 digit-level)	10. Origin Conferring Criterion	11. RCEP Country of Origin	12. Quantity (Gross weight or other measurement), and value (FOB) where RVC is applied	13. Invoice number(s) and date of invoice(s)
14. Remarks							
15. Declaration by the exporter or producer				16. Certification			
The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct and that the goods covered in this Certificate comply with the requirements specified for these goods in the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement. These goods are exported to: (importing country) Place and date and signature of authorised signatory				On the basis of control carried out, it is hereby certified that the information herein is correct and that the goods described comply with the origin requirements specified in the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement. Place and date, signature and seal or stamp of Issuing Body			

OVERLEAF NOTES

1. **CONDITIONS:** To be eligible for the preferential tariff treatment under the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement (the Agreement), goods should:
 - a. fall within a description of goods eligible for concessions in the importing Party; and
 - b. comply with all relevant provisions of Chapter 3 (Rules of Origin) and if applicable, Article 2.6 (Tariff Differentials) of Chapter 2 of the Agreement.
2. **EXPORTER AND CONSIGNEE/IMPORTER:** Provide details of the exporter of the goods (including name, address and country) and consignee/importer (including name, address, and country) in Box 1 and Box 2, respectively.
3. **PRODUCER:** Provide the details of the producer of the goods (including name, address and country) in Box 3, if known. In case of multiple producers, indicate "SEE BOX 8" in Box 3 and provide the details in Box 8 for each item. If the producer wishes the information to be confidential, it is acceptable to state "CONFIDENTIAL", however, the producer information may be available to the competent authority or authorised body upon request. In case the details of the producer are unknown, it is acceptable to state "NOT AVAILABLE".
4. **DESCRIPTION OF GOODS:** The description of each good in Box 8 should be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the customs officer examining them.
5. **HARMONIZED COMMODITY DESCRIPTION AND CODING SYSTEM (HS):** The HS should be at the 6-digit level of the exported product and based on the transposed Product-Specific Rules as adopted by the RCEP Joint Committee in accordance with Article 3.34 of Chapter 3 of the Agreement.
6. **ORIGIN CONFERRING CRITERIA:** For the goods that meet the origin conferring criteria, the exporter should indicate in Box 10 of this Form, the origin conferring criteria met, in the manner shown in the following table:

Origin conferring criteria	Insert in Box 10
(a) Goods wholly obtained or produced satisfying Article 3.2(a) of Chapter 3 of the Agreement	WO
(b) Goods produced exclusively from originating materials satisfying Article 3.2(b) of Chapter 3 of the Agreement	PE
(c) Goods produced using non-originating materials provided that the goods satisfy the Product-Specific Rules which was transposed in accordance with Article 3.34 of Chapter 3 of the Agreement:	
- Change in Tariff Classification	CTC
- Regional Value Content	RVC
- Chemical Reaction	CR
(d) Goods comply with Article 3.4 of Chapter 3 of the Agreement	ACU
(e) Goods comply with Article 3.7 of Chapter 3 of the Agreement	DMI

7. **EACH GOOD CLAIMING PREFERENTIAL TARIFF TREATMENT QUALIFIES IN ITS OWN RIGHT:** It should be noted that all the goods in a consignment qualifies separately in their own right.
8. **RCEP COUNTRY OF ORIGIN:** The RCEP country of origin should be indicated separately for each good in the manner shown in the following table:

Circumstances	Insert in Box 11 – RCEP country of origin
(a) Goods are in Appendix to Annex I of the importing Party but do not meet the additional requirement specified in the Appendix to Annex I i.e. a Domestic Value Addition of 20% (DV20).	Indicate the name of the Party that contributed the highest value of originating materials used in the production of that good in the exporting Party in accordance with Article 2.6.4.
(b) Goods that are not in the Appendix to Annex I of the importing Party, are produced exclusively from originating materials in accordance with Article 3.2(b) of Chapter 3 of the Agreement but are not processed beyond minimal operations set out in Article 2.6.5 of Chapter 2 of the Agreement in the exporting Party.	
IN ALL OTHER CIRCUMSTANCES, including	Indicate the name of the exporting Party
(c) Goods are in Appendix to Annex I of the importing Party and meet the additional requirement specified in Appendix to Annex I i.e. a Domestic Value Addition of 20% (DV20).	
(d) Goods are wholly obtained or produced in accordance with Article 3.2(a) of Chapter 3 of the Agreement	
(e) Goods that are not in the Appendix to Annex I of the Importing Party and satisfy the Product-Specific Rules, which was transposed in accordance with Article 3.34 of Chapter 3 of the Agreement, in accordance with Article 3.2(c) of Chapter 3 of the Agreement.	
(f) Goods that are not in the Appendix to Annex I of the importing Party, are produced exclusively from originating materials in accordance with Article 3.2(b) and are processed beyond minimal operations set out in Article 2.6.5 of Chapter 2 of the Agreement in the exporting Party.	

Notes: Notwithstanding the above, under paragraph 6 of Article 2.6 of Chapter 2 of the Agreement the importer is allowed to make a claim for preferential tariff treatment at either:

- the highest rate of customs duty the importing Party applies to the same originating good from any of the Parties contributing originating materials used in the production of such good, (Article 2.6.6(a)), or
- the highest rate of customs duty that the importing Party applies to the same originating good from any of the Parties (Article 2.6.6(b)).

When the RCEP country of origin cannot be ascertained, based on the information provided by the exporter/producer and importer, indicate the name of the Party with the highest rate of customs duty followed by " * " if the Article 2.6.6(a) of Chapter 2 of the Agreement is being used or " ** " if the Article 2.6.6(b) of Chapter 2 of the Agreement is being used. For example: Australia * or Indonesia **.

9. **FOB VALUE:** The FOB value in Box 12 only needs to be provided when the Regional Value Content criterion is applied in determining the originating status of goods.

10. **INVOICES:** Indicate the invoice number and date in Box 13. If multiple invoices are used, indicate the invoice number and date for each item. The invoice is the one issued for the importation of the good into the importing Party. In cases where invoices used for the importation are not issued by the exporter or producer, in accordance with Article 3.20 of Chapter 3 of the Agreement, the "Third-party invoicing" box in Box 17 should be ticked (✓), and the name and country of the company issuing the invoice should be provided in Box 14.
11. **BACK-TO-BACK CERTIFICATE OF ORIGIN:** In the case of a back-to-back Certificate of Origin issued in accordance with Article 3.19 of Chapter 3 of the Agreement, the "Back-to-back Certificate of Origin" box in Box 17 should be ticked (✓), and the original Proof of Origin reference number, date of issuance, issuing country, RCEP country of origin of the first exporting Party, and, if applicable, approved exporter authorisation code of the first exporting Party should be indicated in Box 14.
12. **ISSUED RETROACTIVELY:** Where a Certificate of Origin is issued retrospectively in accordance with paragraph 8 of Article 3.17 of Chapter 3 of the Agreement, the "ISSUED RETROACTIVELY" box in Box 17 should be ticked (✓).
13. **CERTIFIED TRUE COPY:** Where a certified true copy of the original Certificate of Origin is issued in accordance with paragraph 9 of Article 3.17 of Chapter 3 of the Agreement, the words "CERTIFIED TRUE COPY" and the date of issuance of the certified true copy should be indicated in Box 14.
14. **FOR OFFICIAL USE:** The customs authority of the importing Party may indicate (✓) in the relevant box in Box 5 in accordance with their domestic laws and regulations.
15. **REMARKS:** Box 14 should only be filled out when necessary and contain information including as specified in Paragraphs 10, 11, and 13 of the Overleaf Notes.

II.31. Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O.

Bước 2: Thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp CNM tại www.ecosys.gov.vn hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp CNM tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đã đăng ký hồ sơ thương nhân; hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đã đăng ký hồ sơ thương nhân.

Bước 3: Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ đề nghị cấp CNM có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau:

1. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung);
2. Đề nghị bổ sung các thông tin tối thiểu cần thể hiện trên CNM (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra);
3. Từ chối cấp CNM nếu phát hiện một trong những trường hợp sau:
 - a) Thương nhân đề nghị cấp CNM chưa thực hiện việc đăng ký hồ sơ thương nhân theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);
 - b) Hồ sơ đề nghị cấp CNM không đúng như quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP hoặc có mâu thuẫn về nội dung;
 - c) Thương nhân đề nghị cấp CNM chưa nộp chứng từ nợ từ lần cấp CNM trước đó;
 - d) Thương nhân đề nghị cấp CNM có gian lận về xuất xứ từ lần cấp CNM trước đó và vụ việc chưa được giải quyết xong;
 - đ) Mẫu CNM được khai bằng mực màu đỏ, viết tay, hoặc bị tẩy xóa, hoặc mờ không đọc được, hoặc được in bằng nhiều màu mực khác nhau.

Bước 4: Cán bộ Tổ chức cấp C/O kiểm tra thêm, nhập dữ liệu vào hệ thống máy tính và trình người có thẩm quyền ký cấp CNM.

Bước 5: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp CNM.

Bước 6: Cán bộ Tổ chức cấp C/O đóng dấu và trả CNM cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Internet (thương nhân khai điện tử cho hồ sơ đề nghị cấp CNM);
- Trực tiếp tại trụ sở Tổ chức cấp C/O;
- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có dấu sao y bản chính của thương nhân);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị cấp CNM bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp CNM của thương nhân theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Mẫu CNM đã được khai hoàn chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT);

c) Bản gốc C/O do nước xuất khẩu đầu tiên cấp;

d) Bản sao vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải tương đương (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);

đ) Bản sao Tờ khai hàng hóa nhập, xuất kho ngoại quan có xác nhận của cơ quan hải quan (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

3. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp CNM được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp CNM và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn;

- Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp CNM đầy đủ và hợp lệ đối với trường hợp thương nhân nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O;

- Trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp CNM đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư đối với trường hợp thương nhân gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);
- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);
- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);
- Đơn đề nghị cấp CNM (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);
- Mẫu CNM (Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ;
- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Thương nhân:

Địa chỉ:

Mẫu số 01

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Đề nghị được đăng ký

và dấu

ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN

TT Họ và tên, ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

có thẩm quyền hoặc được

theo. Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

2. Đăng ký các cá nhân có tên

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của thương nhân có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây: tên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

được ủy quyền tới liên hệ

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và các chứng từ kèm theo. Tôi xin chịu mọi

trách nhiệm

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số CMND và ngày cấp

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này./.

.....

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng
							(tên thương nhân)
							(địa chỉ của thương nhân)

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, đóng dấu)

lượng	lượng	lượng	Công
lượng	lượng	lượng	suất
lượng	lượng	lượng	theo
lượng	lượng	lượng	tháng

.....
Về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03
(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mã số thuế:

1. Số: Nghị định số/NĐ-CP, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính*: Số điện thoại: Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:
do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.....

- Mã số thuế:

1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

(hoặc là) - Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

- Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định này./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)

Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính: Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

Mẫu số 04

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Mã số thuế của thương nhân		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Cơ quan, tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (√) vào ô thích hợp) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)				
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu (nếu có) ☐		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị/giải trình chuyển đổi mã HS ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt): - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số hóa đơn:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: ■ Đóng dấu "Issued retroactively/Issued retrospectively" ☐ ■ Đóng dấu "Certified true copy" ☐		18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... Người đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

*Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Phụ lục XIII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNG HÓA KHÔNG THAY ĐỔI XUẤT XỨ

(ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT

5. Discharge in Viet Nam

ngày 03 tháng 4 năm 2018 quy định về xuất xứ hàng hóa)

Date of Discharge

1. Goods consigned from (Trader's business name, address, country) (Name of Vessel & Voyage No.) 7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods and HS of goods (as far as known)	Reference No. CERTIFICATE OF NON-MANIPULATION Issued in Viet Nam	
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)	3. Country of Origin of Goods 4. Country of Final Destination	
5. Discharge in Viet Nam Date of Discharge via (Name of Vessel & Voyage No.) 10. Declaration by the trader The undersigned hereby declares that	6. Departure from Viet Nam Date of Departure via (Name of Vessel & Voyage No.)	
7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods and HS of goods (as far as known) (by alteration or manipulation) Information provided for above is true and correct. (Place and date, signature of the trader)	8. Gross weight or other quantity	9. Number and date of invoices
10. Declaration by the trader The undersigned hereby declares that the goods described above were consigned to the country of final destination from Viet Nam without any alteration or manipulation and all information provided for above is true and correct. (Place and date, signature of the trader)	11. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the trader is correct. This Certificate of Non-manipulation is issued without any prejudice or liability whatsoever on our part arising from any circumstances. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)	

II.32. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.

- Thương nhân khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn, hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O, hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O và nộp phí C/O.

Bước 2: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau:

1. Chấp nhận cấp C/O và thời gian thương nhân sẽ nhận được C/O;
2. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung);
3. Đề nghị kiểm tra lại chứng từ (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra nếu có bằng chứng cụ thể, xác thực làm căn cứ cho việc đề nghị kiểm tra này);
4. Từ chối cấp C/O nếu phát hiện những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP) hoặc nếu phát hiện lô hàng đã được xuất khẩu quá 1 năm kể từ ngày giao hàng;
5. Đề nghị kiểm tra tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP (nếu cần thiết).

Bước 3: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O thẩm định hồ sơ bổ sung (nếu có); ký phê duyệt và trình người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O.

Bước 4: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O trên hệ thống eCoSys hoặc ký cấp tay C/O giấy.

Bước 5: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O đóng dấu lên C/O, vào sổ theo dõi và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys.

Bước 6: Tổ chức cấp C/O trả C/O cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Internet (thương nhân khai điện tử cho hồ sơ đề nghị cấp C/O);
- Trực tiếp tại trụ sở Tổ chức cấp C/O;
- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có dấu sao y bản chính của thương nhân);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:

2.1. Đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu hoặc cho sản phẩm mới xuất khẩu lần đầu hoặc cho sản phẩm không cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

b) Mẫu C/O mẫu GSTP đã được khai hoàn chỉnh (Mẫu theo Hiệp định Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu ngày 12/4/1988);

c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp bản sao tờ khai hải quan;

d) Bản sao hoá đơn thương mại (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);

đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Thương nhân được xem xét không cần nộp chứng từ này trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa có hình thức giao hàng không sử dụng vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế;

e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi theo mẫu tương ứng do Bộ Công Thương quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT), được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

g) Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác (Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT);

h) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ thương mại dưới dạng bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) liên quan đến nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu mua bán/sản xuất trong nước.

2.2. Đối với thương nhân sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

- Trong lần đề nghị cấp C/O đầu tiên, hồ sơ bao gồm các chứng từ đã liệt kê tại mục 2.1.

- Từ lần đề nghị cấp C/O tiếp theo, hồ sơ chỉ cần chứng từ theo quy định từ điểm a đến điểm đ, mục 2.1. Các chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp C/O nêu tại các điểm e, điểm g và điểm h, mục 2.1 có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thương nhân nộp cho Tổ chức cấp C/O. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan các chứng từ này trong thời hạn 2 năm, thương nhân phải cập nhật cho Tổ chức cấp C/O.

2.3. Trong trường hợp chưa có các chứng từ nêu tại điểm c và điểm đ mục 2.1, thương nhân đề nghị cấp C/O có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O. Sau thời hạn này nếu thương nhân không bổ sung chứng từ, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thu hồi hoặc hủy C/O theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

3. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được đính kèm trên hệ thống eCoSys dưới dạng điện tử:

- +) Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống eCoSys;

- +) Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp trực tiếp tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu GSTP. /ND-CP

h) Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị cấp C/O (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

Mẫu C/O mẫu GSTP đã được khai hoàn chỉnh (Mẫu theo Hiệp định Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu ngày 12/4/1988).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

- Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ;

- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;
- Hiệp định Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu ngày 12/4/1988.

Thương nhân:

Địa chỉ:

6

1. Đề nghị được Mẫu số 01
và dấu
(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**TT ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**
....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)
có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký
theo. Thương nhân:(tên thương nhân)
Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

2. Đăng ký các cá nhân

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của thương nhân có tên, mẫu chữ ký
và dấu dưới đây: tên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ...
có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và các chứng từ kèm
theo. Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền
này./.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số CMND và ngày cấp

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền
này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

- (thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Mã số thuế:

1. Số: Nghị định

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Chính phủ quy định

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

thương nhân đề nghị cấp

- Từ: Tên cơ quan

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

- Đến: Tên cơ quan

Tên thương nhân:

2. Các lý do thay

- Địa chỉ trụ sở chính*:Số điện thoại:Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:

do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.....

3. Thương nhân xin

- Mã số thuế:

đúng 1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

- Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

- Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định này./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)

Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính: Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

Mẫu số 04

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Mã số thuế của thương nhân		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Cơ quan, tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (✓) vào ô thích hợp) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)				
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu (nếu có) ☐		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị/giải trình chuyển đổi mã HS ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....		
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt): - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax:Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số hóa đơn:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: ☐ Đóng dấu "Issued retroactively/Issued retrospectively" ☐ Đóng dấu "Certified true copy"		18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... Người đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu GSTP

(theo mẫu quy định tại Hiệp định Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu ngày 12/4/1988)

23

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference no°		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)			GLOBAL SYSTEM OF TRADE PREFERENCES Certificate of Origin (Combined declaration and certificate) Issued in _____ (country) see notes overleaf		
3. Means of transport and route (as far as known)			4. For official use		
5. Tariff item number	6. Marks and numbers of packages	7. Number and kind of packages; description of goods	8. Origin criterion (see notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all goods were produced in _____ (country) and that they comply with the origin requirements specified for those goods in the Global System of Trade Preferences for goods exported to _____ (importing country)			12. Certificate It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.		
Place and date, signature of authorised signatory			Place and date, signature and stamp of certifying authority		

II.33. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.

- Thương nhân khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn, hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O, hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O và nộp phí C/O.

Bước 2: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau:

1. Chấp nhận cấp C/O và thời gian thương nhân sẽ nhận được C/O;
2. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung);
3. Đề nghị kiểm tra lại chứng từ (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra nếu có bằng chứng cụ thể, xác thực làm căn cứ cho việc đề nghị kiểm tra này);
4. Từ chối cấp C/O nếu phát hiện những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP) hoặc nếu phát hiện lô hàng đã được xuất khẩu quá 1 năm kể từ ngày giao hàng;
5. Đề nghị kiểm tra tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP (nếu cần thiết).

Bước 3: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O thẩm định hồ sơ bổ sung (nếu có); ký phê duyệt và trình người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O.

Bước 4: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O trên hệ thống eCoSys hoặc ký cấp tay C/O giấy.

Bước 5: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O đóng dấu lên C/O, vào sổ theo dõi và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys.

Bước 6: Tổ chức cấp C/O trả C/O cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Internet (thương nhân khai điện tử cho hồ sơ đề nghị cấp C/O);
- Trực tiếp tại trụ sở Tổ chức cấp C/O;
- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có dấu sao y bản chính của thương nhân);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

2. Hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:

2.1. Đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu hoặc cho sản phẩm mới xuất khẩu lần đầu hoặc cho sản phẩm không cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

b) Mẫu C/O mẫu BR9 đã được khai hoàn chỉnh (theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 67 ngày 05/11/2018 của Bộ Nông nghiệp Brazil);

c) Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp bản sao tờ khai hải quan;

d) Bản sao hoá đơn thương mại (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);

đ) Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Thương nhân được xem xét không cần nộp chứng từ này trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa có hình thức giao hàng không sử dụng vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế;

e) Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi theo mẫu tương ứng do Bộ Công Thương quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BCT), được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

g) Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác (Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT);

h) Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Trong trường hợp cần thiết, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ thương mại dưới dạng bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) liên quan đến nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu mua bán/sản xuất trong nước.

2.2. Đối với thương nhân sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm có định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

- Trong lần đề nghị cấp C/O đầu tiên, hồ sơ bao gồm các chứng từ đã liệt kê tại mục 2.1.

- Từ lần đề nghị cấp C/O tiếp theo, hồ sơ chỉ cần chứng từ theo quy định từ điểm a đến điểm đ, mục 2.1. Các chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp C/O nêu tại các điểm e, điểm g và điểm h, mục 2.1 có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thương nhân nộp cho Tổ chức cấp C/O. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan các chứng từ này trong thời hạn 2 năm, thương nhân phải cập nhật cho Tổ chức cấp C/O.

2.3. Trong trường hợp chưa có các chứng từ nêu tại điểm c và điểm đ mục 2.1, thương nhân đề nghị cấp C/O có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O. Sau thời hạn này nếu thương nhân không bổ sung chứng từ, Tổ chức cấp C/O yêu cầu thu hồi hoặc hủy C/O theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

3. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được đính kèm trên hệ thống eCoSys dưới dạng điện tử:

- +) Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống eCoSys;

- +) Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp trực tiếp tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu BR9.

h) Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Đơn đề nghị cấp C/O (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu C/O mẫu BR9 đã được khai hoàn chỉnh (theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 67 ngày 05/11/2018 của Bộ Nông nghiệp Brazil);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ;

- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;
- Nghị định số 67 ngày 05/11/2018 của Bộ Nông nghiệp Brazil.

Thương nhân:

Địa chỉ:

6

1. Đề nghị được đăng ký Mẫu số 01
và dấu
(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

**TT ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền

theo. Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của thương nhân có tên, mẫu chữ ký
và dấu dưới đây: tên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

được ủy quyền tới liên hệ

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và các chứng từ kèm
theo. Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền
này./.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số CMND và ngày cấp

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền
này./.

.....

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng
							(tên thương nhân)
							(địa chỉ của thương nhân)
							(tên thương nhân)

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....
Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03
(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mã số thuế:

1. Số: Ngày tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

Từ: Tên cơ quan

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác

Tên thương nhân:

2. Các lý do thay đổi

- Địa chỉ trụ sở chính*: Số điện thoại: Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:
do (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.....

- Mã số thuế:

1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

(hoặc từ) - Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

phố, - Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định này./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)

Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính: Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

Mẫu số 04
(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)

1. Mã số thuế của thương nhân		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Cơ quan, tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (√) vào ô thích hợp)				
☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng...)				
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O:		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị/giải trình chuyển đổi mã HS ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):.....		
- Tên tiếng Anh:		- Tên tiếng Anh: 31/2018/ND-CP		
- Địa chỉ:		- Địa chỉ:		
- Điện thoại:, Fax:Email:.....		- Điện thoại:, Fax:Email:.....		
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt):				
- Tên tiếng Anh:				
- Địa chỉ:				
- Điện thoại:, Fax:Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số hóa đơn:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O:			18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật.	
- Người kiểm tra: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng:			Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... Người đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	
☐ Đóng dấu “Issued retroactively/Issued retrospectively” ☐ Đóng dấu “Certified true copy”				

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Importer (Name, address, and city)

Means of transportation

Pressure

Home

CERTIFICATE OF ORIGIN OF BEVERAGES, VINEGARS, WINE AND PRODUCTS OF GRAPE AND WINE TO BRAZIL

10

Certificate of origin n.:		Issuing country: Vietnam	
Exporter (Name, address and country):			
Producer/bottler (Name, address and country):			
Importer (Name, address and country):			
Means of transportation:		Place of unloading:	
Product:			
Name:		Brand:	
Batch n.:	Geographical Indication (if there is): Vietnam		
Kind of packing:	Packing Capacity (L or Kg):	Number of Packing:	Total volume (L or Kg):
* The Geographical Indication must be the same as the one on the label			
Certificate or Report of Analysis n.(referred to above):			
Name of laboratory:			
The abovementioned producing or bottling establishment works in the country with the activities of production or bottling or both and the products specified above meet the national identity and quality standards and are fit for consumption in the internal market.			
Official agency name:			
Official agency address:			
Date and place:			
Signature and stamp or electronic signature of the representative in charge of the origin country or entity recognized for this purpose			

II.34. Cấp Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020 sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (sau đây gọi là Thông tư số 19/2020/TT-BCT) khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.

Bước 2: Chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xem xét, thẩm định hồ sơ và thông báo trên hệ thống eCoSys cho thương nhân các nội dung sau:

1. Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đề nghị tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đăng ký hồ sơ thương nhân kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân;
2. Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ và đề nghị thương nhân bổ sung, hoàn thiện (nêu cụ thể chứng từ cần bổ sung).

Bước 3: Lãnh đạo/chuyên viên Tổ chức cấp C/O kiểm tra cơ sở sản xuất của thương nhân đăng ký và cập nhật kết quả kiểm tra:

- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đăng ký hồ sơ thương nhân đi kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân;
- Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân, Tổ chức cấp C/O cập nhật kết quả kiểm tra trên hệ thống eCoSys.

Bước 4: Chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổng hợp kết quả thẩm định, kết quả kiểm tra thực tế

- Trường hợp xét cấp: Lập tờ trình, dự thảo Văn bản chấp thuận trình Lãnh đạo Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ;

- Trường hợp xét không cấp: Thông báo bằng văn bản hoặc trên hệ thống eCoSys cho thương nhân kèm theo lý do cụ thể.

Bước 5: Lãnh đạo Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xem xét, ký duyệt Văn bản chấp thuận.

Bước 6: Chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ phát hành Văn bản chấp thuận và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys.

b) Cách thức thực hiện:

Thông - Internet;

- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận bao gồm:

1.1. Đối với thương nhân đề nghị cấp/cấp lại Văn bản chấp thuận, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp (sửa đổi, bổ sung) Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Bản báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ (theo Mẫu 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT).

1.2. Đối với thương nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận trong trường hợp thay đổi hoặc bổ sung mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp (sửa đổi, bổ sung) Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Bản báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ (theo Mẫu 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Bản sao cam kết của nhà sản xuất trong trường hợp nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất.

1.3. Đối với thương nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận trong trường hợp thay đổi hoặc bổ sung người có thẩm quyền ký nội dung tự khai báo xuất xứ hàng hóa, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp (sửa đổi, bổ sung) Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên hệ thống eCoSys:

(i) Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, đề nghị thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

(ii) Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đề nghị Tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đăng ký hồ sơ thương nhân đi kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BCT.

- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đăng ký hồ sơ thương nhân đi kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân hoặc nhà sản xuất liên quan.

- Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân, Tổ chức cấp C/O cập nhật kết quả kiểm tra trên hệ thống eCoSys.

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ chức cấp C/O cập nhật kết quả kiểm tra trên hệ thống eCoSys, cơ quan có thẩm quyền:

(i) Cấp Văn bản chấp thuận kèm theo mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho thương nhân;

(ii) Không cấp Văn bản chấp thuận bằng văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020 đối với Nhà xuất khẩu đủ điều kiện đã tham gia cơ chế thí điểm.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN (Mẫu 04 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT).

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp (sửa đổi, bổ sung) Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT);

- Bản báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ (theo Mẫu 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân có tài khoản tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương, hoặc tài khoản tại Cổng dịch vụ công quốc gia, hoặc tài khoản tại Cổng thông tin một cửa quốc gia.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 27/2017/TT-BCT ngày 06/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 của Bộ Công Thương quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN;

- Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN;

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 10/9/2014 về việc gia nhập Bản ghi nhớ thực hiện dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2 trong khuôn khổ ASEAN;

- Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ ngày 23/7/2020 về việc phê duyệt Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 22/01/2019 tại Việt Nam;

- Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN;

- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Mẫu 01

(Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
VĂN BẢN CHẤP THUẬN TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

Kính gửi: ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền)...

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính: ⁱ 19/2020/TT-BCT)

- Số điện thoại: ii Thư điện tử:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do ... (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Thông tư số .../2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, ... (tên thương nhân) ... đề nghị ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền) ... cấp (sửa đổi, bổ sung) Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Hồ sơ kèm theo gồm:

☐ Bản chính danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người đại diện hợp pháp của thương nhân hoặc người được ủy quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa (Mẫu 02).

☐ Bản sao báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Mẫu 03);

☐ Danh mục hàng hóa đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

☐ Bản sao cam kết của Nhà sản xuất (nếu có)

... (tên thương nhân) ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về xuất xứ hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phốⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Mẫu 02

(Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN

hoặc Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

dùng khai báo xuất xứ hàng hóa

....., ngày ... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ NỘI DUNG KHAI BÁO XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Kính gửi: ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền)...

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính: ⁱ

- Số điện thoại: ⁱⁱ Thư điện tử:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do ... (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm.....

... (tên thương nhân) ... đăng ký những người có tên dưới đây được ủy quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa:

TT	Họ và tên	Số CMND hoặc CCCD ⁱⁱⁱ	Vị trí công tác ^{iv}	Mẫu chữ ký	Hiệu lực ^v
	ⁱ Ghi rõ số nhà				
	ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại				
	ⁱⁱⁱ Ghi CMND, CCCD hoặc số hộ chiếu và ngày cấp				
	^{iv} Ghi rõ chức danh, phòng chuyên môn				
	^v Ghi ngày bắt đầu và ngày hết hiệu lực				

... (tên thương nhân) ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố.

ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại.

ⁱⁱⁱ Ghi CMND, CCCD hoặc số hộ chiếu và ngày cấp.

^{iv} Ghi rõ chức danh, phòng chuyên môn

^v Ghi ngày bắt đầu và ngày hết hiệu lực.

Mẫu 03

(Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

**TÊN THƯƠNG
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO NĂNG LỰC SẢN XUẤT
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ**

Kính gửi: ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền) ...

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính:ⁱ- Số điện thoại:ⁱⁱ Thụ điện tử:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm.....

... (tên thương nhân) ... báo cáo năng lực sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ như sau:

TT	Cơ sở sản xuất ⁱⁱⁱ	Diện tích nhà xưởng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Mặt hàng ^{iv}	Công suất ^{iv}

... (tên thương nhân) ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai tại báo cáo này./.

**Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân**.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố.ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại.ⁱⁱⁱ Ghi rõ tên cơ sở sản xuất, địa chỉ.^{iv} Chỉ kê khai những mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Mẫu 04

(Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

nhập khẩu: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Công Thương sửa đổi, bổ sung

trong Hiệp định Thương mại

Xét hồ sơ đề nghị cấp

tháng ... năm ... của

**VĂN BẢN CHẤP THUẬN
TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

(Cơ quan có thẩm quyền)

hóa trong ASEAN

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 3826/2017/QĐ-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Xuất nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ngày ... tháng ... năm của ... (Tên thương nhân) ...;

... (Cơ quan có thẩm quyền) ... cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN cho thương nhân:

sửa đổi, bổ sung các Thông tư

Thương mại hàng hóa ASEAN

... TÊN THƯƠNG NHÂN ...Địa chỉ trụ sở chính: ⁱ _____Số điện thoại: ⁱⁱ _____ Thư điện tử: _____

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do ... (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm

Được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ Công Thương.

- Mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: ⁱⁱⁱ **VN-AWSCxxxxx**

- Các mặt hàng được tự chứng nhận xuất xứ: Theo danh mục đính kèm.

Thương nhân thực hiện việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư số/2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Văn bản chấp thuận này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

năm đến ngày ... tháng ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

**DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG
THƯƠNG NHÂN ĐƯỢC TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ**

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố

ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại (*Ban hành kèm theo Văn bản chấp thuận*

ⁱⁱⁱ Ví dụ: Nhà xuất khẩu đủ điều kiện số 6 được Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương cấp có mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là VN-ASWC00006

^{iv} Ghi mã HS ở cấp 6 số hoặc mã phân loại hàng hóa của ASEAN

STT	Mô tả hàng hóa	Mã HS ^{iv}
1		
2		
3		
4		

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố

ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại

ⁱⁱⁱ Ví dụ: Nhà xuất khẩu đủ điều kiện số 6 được Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương cấp có mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là VN-ASWC00006

^{iv} Ghi mã HS ở cấp 6 số hoặc mã phân loại hàng hóa của ASEAN

II.35. Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trường hợp thay đổi hoặc bổ sung mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thay đổi hoặc bổ sung người có thẩm quyền ký nội dung tự khai báo xuất xứ hàng hóa, thương nhân kê khai sửa đổi, bổ sung và đính kèm hồ sơ qua Hệ thống eCoSys.

Bước 2: Chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc:

1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thông báo cho thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ trình Lãnh đạo Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ có thẩm quyền ký Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa kèm theo mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho thương nhân.

Bước 3: Lãnh đạo Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ ký Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa kèm theo mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho thương nhân hoặc ký văn bản nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối cấp Văn bản chấp thuận này.

Bước 4: Chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu hoặc Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ phát hành Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đồng thời phê duyệt trên Hệ thống eCoSys hoặc văn bản nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối cấp Văn bản chấp thuận này qua đường bưu điện cho thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Internet;
- Bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

b) Báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 01 bản sao.

c) Đối với thương nhân tham gia cơ chế AWSC, trường hợp không phải nhà sản xuất, thương nhân đề nghị đăng ký tự chứng nhận xuất xứ đính kèm bản sao cam kết của nhà sản xuất theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2020/TT-BCT.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung người có thẩm quyền ký nội dung tự khai báo xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

b) Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa: 01 bản sao.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp thay đổi hoặc bổ sung mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và cập nhật kết quả kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân.

- Trường hợp thay đổi hoặc bổ sung người có thẩm quyền ký nội dung tự khai báo xuất xứ hàng hóa, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của thương nhân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận (theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN);

- Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 02 quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN);

- Báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 sửa đổi, bổ sung các Thông

tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2020/TT-BCT.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 Quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu;
- Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN;
- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;
- Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ ngày 23/7/2020 về việc phê duyệt Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 22/01/2019 tại Việt Nam.

Tên thương nhân: _____

Mẫu 01

- Địa (Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

Số điện thoại: _____

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hoặc Giấy chứng nhận đầu tư

Số: _____

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Công Thương sửa đổi, bổ sung

trong Hiệp định Thương mại

quan có thẩm quyền)

hàng hóa. Hồ sơ kèm theo

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

VĂN BẢN CHẤP THUẬN TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA

☐ Bản chính danh

thương nhân hoặc người

Kính gửi: ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền)...

Tên thương nhân: _____

Địa chỉ trụ sở chính: ⁱ _____

- Số điện thoại: ii _____

Thư điện tử: _____

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do ... (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Thông tư số .../2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, ... (tên thương nhân) ... đề nghị ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền) ... cấp (sửa đổi, bổ sung) Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Hồ sơ kèm theo gồm:

☐ Bản chính danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người đại diện hợp pháp của thương nhân hoặc người được ủy quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa (Mẫu 02).

☐ Bản sao báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Mẫu 03);

☐ Danh mục hàng hóa đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

☐ Bản sao cam kết của Nhà sản xuất (nếu có)

... (tên thương nhân) ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về xuất xứ hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố

ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại

Mẫu 02

(Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ NỘI DUNG KHAI BÁO XUẤT XỨ
HÀNG HÓA**

Kính gửi: ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền)...

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính: ⁱ- Số điện thoại: ⁱⁱ Thư điện tử: ^{19/2020/TT-BCT}

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do ... (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm.....

... (tên thương nhân) ... đăng ký những người có tên dưới đây được ủy quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa:

TT	Họ và tên	Số CMND hoặc CCCD ⁱⁱⁱ	Vị trí công tác ^{iv}	Mẫu chữ ký	Hiệu lực ^v

... (tên thương nhân) ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu) ký nội

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố.ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại.ⁱⁱⁱ Ghi CMND, CCCD hoặc số hộ chiếu và ngày cấp.^{iv} Ghi rõ chức danh, phòng chuyên môn^v Ghi ngày bắt đầu và ngày hết hiệu lực.

Tên thương nhân:

Mẫu 03

Địa (Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT)

Số điện thoại:

**TÊN THƯƠNG
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

chứng nhận xuất xứ như sau:

**BÁO CÁO NĂNG LỰC SẢN XUẤT
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ**

Kính gửi: ... (Tên Cơ quan có thẩm quyền)...

Tên thương nhân: _____

- Địa chỉ trụ sở chính:ⁱ _____tại báo - Số điện thoại:ⁱⁱ _____

Thư điện tử: _____

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số: do (tên cơ quan cấp) ... cấp ngày ... tháng ... năm.....

... (tên thương nhân) ... báo cáo năng lực sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ như sau:

TT	Cơ sở sản xuất ⁱⁱⁱ	Diện tích nhà xưởng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Mặt hàng ^{iv}	Công suất ^{iv}

ⁱⁱⁱ Ghi rõ tên cơ sở sản xuất
... (tên thương nhân) ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai tại báo cáo này./.

**Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân**

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

ⁱ Ghi rõ số nhà, phường/xã, quận/huyện và tỉnh/thành phố.

ⁱⁱ Ghi rõ mã vùng và số điện thoại.

ⁱⁱⁱ Ghi rõ tên cơ sở sản xuất, địa chỉ.

^{iv} Chỉ kê khai những mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.